

# HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

SỞ GD & ĐT HÀ TĨNH

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 1 NĂM HỌC 2016-2017

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

MÔN THI: TOÁN

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

ĐỀ CHÍNH THỨC

Mã đề thi 408

Họ, tên thí sinh:..... SBD: .....

**Câu 1:** Cho khối nón tròn xoay có chiều cao bằng 6cm và bán kính đường tròn đáy bằng 8cm. Thể tích của khối nón là:

- A.  $128\pi\text{cm}^3$       B.  $384\pi\text{cm}^3$       C.  $48\pi\text{cm}^3$       D.  $96\pi\text{cm}^3$

**Câu 2:** Cho hàm số  $f(x)$  thỏa mãn  $\int_1^5 f(x)dx = 5$ ,  $\int_2^3 f(x)dx = 2$ . Khi đó giá trị của tổng

$\int_1^2 f(x)dx + \int_3^5 f(x)dx$  bằng:

- A. 3      B. 2      C. 1      D. 4

**Câu 3:** Tập xác định của hàm số:  $y = \sqrt{\log_{\frac{1}{2}} \frac{2-x}{x+2}}$  là:

- A.  $(-\infty; -2) \cup [0; 2)$       B.  $[0; 2)$       C.  $(0; 2)$       D.  $(-2; 2)$

**Câu 4:** Tập nghiệm của bất phương trình  $2^{x+2} \geq \frac{1}{8}$  là:

- A.  $(-5; +\infty)$       B.  $(-\infty; -5)$       C.  $(-\infty; -5]$       D.  $[-5; +\infty)$

**Câu 5:** Họ nguyên hàm của hàm số  $y = x^2 + 1$  là

- A.  $2x + C$       B.  $\frac{x^3}{3} + x + C$       C.  $\frac{x^3}{3} + C$       D.  $\frac{x^2}{2} + x + C$

**Câu 6:** Tập xác định của hàm số  $y = x^3 - 2x^2$  là:

- A.  $\mathbb{R} \setminus \{0\}$       B.  $(2; +\infty)$       C.  $(-\infty; 2)$       D.  $\mathbb{R}$

## HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

---

**Câu 7:** Họ nguyên hàm của hàm số  $y = \cos x$  là:

- A.  $\tan x + C$                       B.  $\sin x + C$                       C.  $\cot x + C$                       D.  $-\sin x + C$

**Câu 8:** Cho số thực thỏa mãn  $\alpha = \log_a x$  ;  $\beta = \log_b x$  . Khi đó  $\log_{ab} x^2$  được tính theo  $\alpha, \beta$  bằng:

- A.  $\frac{2\alpha\beta}{2\alpha+\beta}$                       B.  $\frac{\alpha\beta}{2\alpha+\beta}$                       C.  $\frac{2(\alpha+\beta)}{\alpha+2\beta}$                       D.  $\frac{2}{2\alpha+\beta}$

**Câu 9:** Cho tứ diện OABC có OA, OB, OC đôi một vuông góc nhau và  $OA = a$ ,  $OB = 2a$ ,  $OC = 3a$ . Diện tích của mặt cầu ngoại tiếp hình chóp O.ABC bằng:

- A.  $28\pi a^2$                       B.  $14\pi a^2$                       C.  $56\pi a^2$                       D.  $\pi a^2$

**Câu 10:** Giá trị lớn nhất của hàm số  $f(x) = x^3 - 3x + 2$  trên đoạn  $[-1; 2]$  là:

- A. 2                      B. 0                      C. 4                      D. -2

**Câu 11:** Tập hợp các giá trị a để phương trình:  $x^4 - 4x^2 + |\log_3 a| + 3 = 0$  có 4 nghiệm thực phân biệt là:

- A.  $\left[\frac{1}{27}; 3\right)$                       B.  $[1; 3)$                       C.  $(0; 3)$                       D.  $\left(\frac{1}{3}; 3\right)$

**Câu 12:** Phương trình đường tiệm cận ngang của đồ thị hàm số  $y = \frac{x+1}{x-1}$  là:

- A.  $x = 1$                       B.  $y = -1$                       C.  $x = -1$                       D.  $y = 1$

**Câu 13:** Số giao điểm của đồ thị hàm số  $y = x^3 - x^2 + x + 1$  với đường tiệm cận ngang của đồ thị hàm số  $y = \frac{2x+3}{x-1}$  là:

- A. 3                      B. 0                      C. 1                      D. 2

**Câu 14:** Tập nghiệm của bất phương trình  $\log_2(x^2 - 5x + 5) \geq 0$  là:

- A.  $[4; +\infty)$                       B.  $(-\infty; 1] \cup [4; +\infty)$                       C.  $[1; 4]$                       D.  $(-\infty; 1]$

**Câu 15:** Số đường tiệm cận đứng của đồ thị hàm số  $y = \frac{\sqrt{x^2+1}}{x^2-1}$  là:

- A. 0                      B. 1                      C. 2                      D. 3

**Câu 16:** Hàm số  $y = \sqrt{4-x^2}$  nghịch biến trên tập nào trong những tập sau?

## HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

- A.  $[-2; 2] \setminus \{0\}$       B.  $(-2; 0)$       C.  $(0; 2)$       D.  $(-2; 2)$

**Câu 17:** Đạo hàm của hàm số  $y = \log_3(x^2 - 1)$  là

- A.  $y' = \frac{2x}{(x^2 - 1)}$       B.  $y' = \frac{1}{(x^2 - 1)\ln 3}$       C.  $y' = \frac{2x \ln 3}{(x^2 - 1)}$       D.  $y' = \frac{2x}{(x^2 - 1)\ln 3}$

**Câu 18:** Cho hình chóp tứ giác S.ABCD có đáy ABCD là hình chữ nhật; cạnh  $AB = 3a$ ,  $AD = 2a$ , cạnh bên SA vuông góc với mặt phẳng đáy, góc giữa cạnh SD và mặt phẳng đáy bằng  $60^\circ$ . Thể tích V của khối chóp S.ABCD là:

- A.  $V = 4\sqrt{3}a^3$  (đvtt)      B.  $V = \frac{a^3}{3}$  (đvtt)      C.  $V = 12\sqrt{3}a^3$  (đvtt)      D.  $V = \frac{4a^3}{\sqrt{3}}$  (đvtt)

**Câu 19:** Cho hình chóp S.ABC có đáy ABC là tam giác vuông cân tại B, cạnh huyền  $AC = \sqrt{2}$ , cạnh bên SA vuông góc với (ABC),  $SA = 3$ . Thể tích khối chóp S.ABC bằng:

- A.  $\frac{1}{2}$  (đvtt)      B.  $\frac{3}{2}$  (đvtt)      C.  $\frac{2}{3}$  (đvtt)      D. 1 (đvtt)

**Câu 20:** Cho hình hộp chữ nhật ABCD.A'B'C'D' có cạnh  $AB = a$ ;  $BC = 2a$ ;  $A'C = \sqrt{21}a$ . Thể tích của khối hộp chữ nhật đó là:

- A.  $V = 4a^3$  (đvtt)      B.  $V = \frac{8}{3}a^3$  (đvtt)      C.  $V = 8a^3$  (đvtt)      D.  $V = 16a^3$  (đvtt)

**Câu 21:** Trong không gian Oxyz, cho các vectơ  $\vec{a} = (-1; 2; -3)$ ,  $\vec{b} = (2; 3; 1)$ , Toạ độ của Vectơ  $\vec{a} + 2\vec{b}$  là:

- A.  $(-5; -4; -5)$       B.  $(1; 5; -2)$       C.  $(0; 7; -5)$       D.  $(3; 8; -1)$

**Câu 22:** Giá trị cực tiểu của hàm số  $y = x^3 - 3x^2 - 9x + 2$  là:

- A. -25      B. -24      C. -30      D. 7

**Câu 23:** Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho hai điểm  $A(2; -3; -1)$   $B(4; -1; 3)$ . Phương trình mặt cầu đường kính AB là:

- A.  $(x-3)^2 + (y+2)^2 + (z-1)^2 = \sqrt{6}$       B.  $(x+3)^2 + (y-2)^2 + (z+1)^2 = 6$   
C.  $(x-2)^2 + (y+3)^2 + (z+1)^2 = 6$       D.  $(x-3)^2 + (y+2)^2 + (z-1)^2 = 6$

**Câu 24:** Cho hàm số  $y = \ln \frac{1}{2+x}$ , với  $\forall x > -2$ , kết luận nào sau đây là đúng?

- A.  $y' + e^y = 0$       B.  $y' - 4e^y = 0$       C.  $y' - 2y = 1$       D.  $yy' - 2 = 0$

## HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

---

**Câu 25:** Nếu  $\lg 2 = a$  thì  $\lg 8000$  bằng:

- A.  $a^2$                       B.  $3 + 3a$                       C.  $a^2 + 3$                       D.  $3a^2$

**Câu 26:** Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz cho hình bình hành ABCD biết  $A(2;1;-3), B(3;2;4), C(-2;5;3)$  tọa độ điểm D bằng:

- A.  $D(-1;6;10)$               B.  $D(-3;4;-4)$               C.  $D(2;-5;-9)$               D.  $D(-2;5;-3)$

**Câu 27:** Trong không gian Oxyz cho tam giác ABC có  $A(1;-5;4), B(3;-1;7), C(2;0;1)$ , trong các điểm sau đây, điểm nào là trọng tâm tam giác ABC?

- A.  $G(2;-4;2)$               B.  $G(2;-2;4)$               C.  $G(2;4;-2)$               D.  $G(-2;2;4)$

**Câu 28:** Họ nguyên hàm của hàm số  $f(x) = e^{2x}$  là:

- A.  $\frac{1}{2}e^{2x} + C$               B.  $\frac{1}{2}e^x + C$               C.  $e^{2x} + C$               D.  $2e^{2x} + C$

**Câu 29:** Cắt một khối trụ bởi một mặt phẳng qua trục ta được thiết diện là hình chữ nhật ABCD có AB và CD thuộc hai đáy của khối trụ. Biết  $BC = 3a, AC = 5a$ . Thể tích của khối trụ là:

- A.  $60\pi a^3$                       B.  $48\pi a^3$                       C.  $36\pi a^3$                       D.  $12\pi a^3$

**Câu 30:** Cho hàm số  $y = \frac{x+1}{x-1}$ . Khẳng định nào sau đây là khẳng định đúng?

- A. Hàm số nghịch biến trên các khoảng  $(-\infty;1)$  và  $(1;+\infty)$ .  
B. Hàm số nghịch biến trên  $\mathbb{R}$ .  
C. Hàm số nghịch biến trên  $\mathbb{R} \setminus \{1\}$ .  
D. Hàm số đồng biến trên khoảng  $(-\infty;1)$  và nghịch biến trên khoảng  $(1;+\infty)$ .

**Câu 31:** Hàm số  $y = \frac{1}{3}x^3 - \frac{1}{2}(m^2 + 1)x^2 + (3m - 2)x + m$  đạt cực đại tại  $x = 1$  khi:

- A.  $m = -1$                       B.  $m = 1$                       C.  $m = -2$                       D.  $m = 2$

**Câu 32:** Tập hợp các giá trị của m để phương trình  $\log_{0,5}(m + 6x) + \log_2(3 - 2x - x^2) = 0$  có nghiệm duy nhất là:

- A.  $(-6;19)$                       B.  $(-6;19]$                       C.  $(-3;18)$                       D.  $(-6;18)$

## HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

**Câu 33:** Hàm số  $y = \frac{mx-1}{x+m}$  có giá trị lớn nhất trên  $[0;1]$  bằng 2 khi :

- A.  $m = \frac{1}{2}$ .                      B.  $m = 1$ .                      C.  $m = -3$ .                      D.  $m = -\frac{1}{2}$ .

**Câu 34:** Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho  $|\vec{a}| = 2, |\vec{b}| = 5$ , góc giữa hai vectơ  $\vec{a}$  và  $\vec{b}$  bằng  $120^\circ$ . Độ dài của vectơ  $\vec{b} - \vec{a}$  bằng:

- A.  $\sqrt{19}$                       B.  $\sqrt{21}$                       C.  $\sqrt{39}$                       D. 3

**Câu 35:** Trong hệ tọa độ Oxyz, cho  $A(2; -1; 3); B(1; 2; -1); C(-4; 7; 5)$ . Gọi I là chân đường phân giác trong góc A của tam giác ABC, tọa độ của điểm I là:

- A.  $(6; -3; -7)$                       B.  $(\frac{11}{3}; \frac{-2}{3}; 1)$                       C.  $(-3; 6; -7)$                       D.  $(\frac{-2}{3}; \frac{11}{3}; 1)$

**Câu 36:** Hàm số:  $y = -x^4 + 2mx^2 + 1$  đạt cực tiểu tại  $x = 0$  khi :

- A.  $-1 \leq m < 0$ .                      B.  $m > 0$ .                      C.  $m \geq 0$ .                      D.  $m < -1$ .

**Câu 37:** Kết quả của phép tính tích phân  $\int_0^1 x\sqrt{x^2+1}dx$  được biểu diễn dạng  $a.\sqrt{2} + b$ , khi đó giá trị của tích a.b bằng:

- A.  $\frac{-2}{9}$ .                      B.  $\frac{2}{9}$ .                      C.  $\frac{-2}{3}$                       D.  $\frac{2}{3}$ .

**Câu 38:** Tập hợp các giá trị của tham số m để hàm số  $y = x^3 - 3x^2 - mx - 3$  đồng biến trên  $(2; +\infty)$  là:

- A.  $(-\infty; -3]$                       B.  $(-\infty; -3)$                       C.  $(-\infty; 0)$                       D.  $(-\infty; 0]$

**Câu 39:** Giá trị của biểu thức  $F = \log_2(2 \sin 1^\circ) \cdot \log_2(2 \sin 2^\circ) \cdot \log_2(2 \sin 3^\circ) \dots \log_2(2 \sin 89^\circ)$  là:

- A. 0                      B. 1                      C.  $\frac{2^{89}}{89!}$                       D. e

**Câu 40:** Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz cho hai điểm  $A(2; 5; 4) B(0; 4; 6), C(2; 6; 3)$ , Số đo góc  $\widehat{BAC}$  của tam giác ABC bằng :

- A.  $60^\circ$                       B.  $45^\circ$                       C.  $135^\circ$                       D.  $45^\circ$

**Câu 41:** Một vật xuất phát từ A chuyển động thẳng và nhanh dần đều với vận tốc  $v(t) = 1+2t$  (m/s). Tính vận tốc tại thời điểm mà vật đó cách A 30m. (Giả thiết thời điểm vật xuất phát từ A tương ứng với  $t = 0$ )

## HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

---

A. 9m/s

B. 10m/s

C. 11m/s

D. 12m/s

**Câu 42:** Kết quả của phép tính tích phân  $\int_0^2 \ln(2x+1)dx$  được biểu diễn dạng  $a \cdot \ln 5 + b$ , khi đó giá trị của tổng  $ab^3$  bằng:

A. 5

B. -5

C. -20

D. 20

**Câu 43:** Cho hình chóp S.ABCD, đáy ABCD là hình thoi cạnh bằng a, Mặt bên SAB là tam giác vuông cân tại S, và thuộc mặt phẳng vuông góc với đáy. Biết thể tích khối chóp S.ABCD bằng  $\frac{a^3\sqrt{3}}{4}$ . Khoảng cách từ điểm C đến mặt phẳng (SAB) bằng:

A.  $\frac{a\sqrt{3}}{4}$

B.  $a\sqrt{3}$

C.  $\frac{3\sqrt{3}a}{2}$

D.  $\frac{a\sqrt{3}}{2}$

**Câu 44:** Tập hợp các giá trị của m để phương trình  $\log_2^2 x - \log_2 x^2 + 3 = m$  có đúng hai nghiệm  $x \in [1; 8]$  là:

A. (3; 6]

B. [3; 6)

C. (2; 3]

D. (2; 6)

**Câu 45:** Một gia đình muốn xây một bể nước dạng hình chữ nhật có chiều dài 2,2m, chiều rộng 1.5m, cao 1m. Bể nước được thiết kế không có nắp đậy, bốn bức tường và đáy đều dày 1dm. Bể nước được xây bằng các viên gạch là khối lập phương cạnh bằng 1dm. Giả sử độ dày của vữa xây không đáng kể thì số lượng viên gạch cần để xây bể bằng:

A. 960 viên

B. 2340 viên

C. 1220 viên

D. 3300 viên

**Câu 46:** Tập các giá trị m để đồ thị hàm số  $y = \frac{3x+m}{x-2}$  và đường thẳng  $y = 2x - 1$  có điểm chung là:

A.  $(-\infty; -6]$

B.  $(-6; +\infty)$

C.  $[-6; +\infty)$

D.  $(-\infty; -6)$

**Câu 47:** Sự tăng trưởng của loại vi khuẩn tuân theo công thức  $S = Ae^{rt}$ , trong đó A là số lượng vi khuẩn ban đầu, r là tỉ lệ tăng trưởng ( $r > 0$ ), t là thời gian tăng trưởng (tính theo đơn vị là giờ). Biết số vi khuẩn ban đầu là 100 con và sau 5 giờ có 300 con. Thời gian để vi khuẩn tăng gấp đôi số ban đầu gần đúng nhất với kết quả nào trong các kết quả sau:

A. 3 giờ 2 phút

B. 3 giờ 9 phút.

C. 3 giờ 20 phút

D. 3 giờ 40 phút.

**Câu 48:** Tập hợp các giá trị m để bất phương trình:  $m \cdot 25^{\sqrt{2x-x^2}} - 5^{\sqrt{2x-x^2}} + 8m - 1 \leq 0$  có nghiệm là:

A.  $\left(\frac{2}{9}; +\infty\right)$

B.  $\left(-\infty; \frac{1}{4}\right]$

C.  $\left[\frac{2}{9}; \frac{1}{4}\right]$

D.  $\left[\frac{1}{4}; +\infty\right)$

## HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

---

**Câu 49:** Một nhà máy sản xuất sữa bột cho trẻ em cần thiết kế bao bì cho một loại sản phẩm mới. Bao bì cần sản xuất có thể tích là  $3\text{dm}^3$ , làm theo dạng hình hộp chữ nhật có đáy là hình vuông và chiều cao là  $h$ . Để tiết kiệm vật liệu nhất thì chiều cao  $h$  của bao bì gần bằng giá trị nào nhất trong các giá trị sau:

- A. 1,44dm                      B. 1,82dm                      C. 1,01dm                      D. 1,14dm

**Câu 50:** Một thùng hình trụ đựng đầy nước có đường kính bằng 12dm, chiều cao 1m. Một khối lập phương đặc ABCDA'B'C'D' với cạnh bằng 8dm được đặt lên hình trụ sao cho các đỉnh A,C' và hai tâm đáy của hình trụ thẳng hàng. Thể tích lượng nước còn lại trong hình trụ gần bằng giá trị nào nhất trong các giá trị sau:

- A.  $1063,9\text{dm}^3$                       B.  $618,4\text{dm}^3$                       C.  $512\text{dm}^3$                       D.  $1130,4\text{dm}^3$

----- HẾT -----

**ĐÁP ÁN MÃ ĐỀ 408:**

made	cautron	dapan			
408	1	A	408	26	B
408	2	A	408	27	B
408	3	A	408	28	A
408	4	B	408	29	D
408	5	D	408	30	A
408	6	B	408	31	D
408	7	D	408	32	D
408	8	B	408	33	C
408	9	A	408	34	C
408	10	B	408	35	D
408	11	C	408	36	B
408	12	D	408	37	A
408	13	D	408	38	D
408	14	C	408	39	A
408	15	B	408	40	C
408	16	C	408	41	C
408	17	C	408	42	C
408	18	D	408	43	C
408	19	A	408	44	C
408	20	A	408	45	A
408	21	C	408	46	B
408	22	D	408	47	B
408	23	A	408	48	B
408	24	D	408	49	A
408	25	A	408	50	A
408		B			